

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG TRÔM
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 21/5/2021
V/v tranh chấp về thay đổi người
trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Khắc Giang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Công Luận
2. Ông Trần Văn Ân

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thành Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm tham gia phiên tòa:
Bà Huỳnh Thị Duyên Em – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 433/2020/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 11 năm 2020 về việc tranh chấp về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 78/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Trần Lê Đăng H, sinh năm 1982 (Có mặt)

Địa chỉ: Khu phố B, thị trấn G, huyện G, tỉnh Bến Tre.

2. *Bị đơn:* Chị Nguyễn Ngọc Bích T, sinh năm 1987

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của chị T là anh Trần Xuân K, sinh năm 1990. Địa chỉ: Ấp B, xã C, huyện G, tỉnh Bến Tre theo Văn bản ủy quyền ngày 06/4/2021 (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn anh Trần Lê Đăng H trình bày:

Anh và chị Nguyễn Ngọc Bích T kết hôn vào năm 2016, trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn G, huyện G, tỉnh Bến Tre. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn nên anh và chị T ly

hôn, đã được Tòa án giải quyết công nhận thuận tình ly hôn theo quyết định số 19/2020/QĐST-HNGĐ ngày 17/01/2020. Anh và chị T có 02 con chung là cháu Trần Nguyễn Hải D, sinh ngày 10/10/2017 và Trần Ngọc Hải M, sinh ngày 08/01/2019. Theo quyết định thuận tình ly hôn thì chị T được nuôi dưỡng 02 con chung và anh được thăm nom, chăm sóc 02 con chung. Tuy nhiên, sau khi ly hôn anh đến thăm con thì T và gia đình nhiều lần ngăn cản không cho anh gặp các con. Cụ thể cha mẹ chị T đuổi anh về, còn chị T thì đóng cửa. Do không gặp được con nên anh có đến gặp trưởng ấp T và tổ trưởng tổ nhân dân tự quản nhờ can thiệp nhưng trưởng ấp, tổ trưởng không giải quyết mà hướng dẫn anh làm đơn khiếu kiện gửi Ủy ban nhân dân xã T giải quyết. Anh đã làm đơn gửi Ủy ban xã giải quyết, Ủy ban xã có tổ chức hòa giải nhưng không thành, chị T chỉ cho anh thăm mỗi tháng một lần nên anh không đồng ý và tiếp tục khởi kiện tại Tòa án. Chị T bận đi làm tại Trường trung học cơ sở xã T, huyện G không có thời gian chăm sóc con mà phải gửi con ở trường mầm non tư thục. Do không thường xuyên được mẹ chăm sóc nên hai con hay bị bệnh nóng, ho sổ mũi, sức khỏe không đảm bảo. Cha mẹ chị T đã lớn tuổi, có bệnh huyết áp nên không có đủ sức khỏe để chăm sóc hai cháu. Hiện nay, chị T đã có nhà ở riêng không còn chung sống với cha mẹ. Thu nhập của chị T khoảng 5.000.000 đồng/tháng không đủ điều kiện để nuôi 02 con. Trong khi thu nhập của anh từ việc bán quán nước giải khát khoảng 9.000.000 đồng/tháng và có làm thêm thời vụ tại nhà hàng nên có đủ điều kiện, thời gian để chăm sóc, nuôi dưỡng con.

Anh yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn, anh yêu cầu được nuôi cháu Trần Nguyễn Hải D, sinh ngày 10/10/2017. Anh đồng ý để cháu Trần Ngọc Hải M, sinh ngày 08/01/2019 cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Anh đồng ý để chị T được tiếp tục nuôi 02 con với điều kiện là hàng tuần anh được chở con đi chơi, về thăm ông bà nội từ 01 đến 02 tiếng, vào các buổi chiều hàng tuần, khi anh dẫn con đi anh đồng ý để chị T đi theo.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của chị Nguyễn Ngọc Bích T là anh Trần Xuân K trình bày:

Về thời gian kết hôn, chung sống, ly hôn và thỏa thuận nuôi con như anh H trình bày là đúng. Chị vẫn tạo điều kiện cho anh H thăm nom, chăm sóc con chung không có ai ngăn cản. Tuy nhiên, khi anh H đến thăm con thì anh H không có báo trước cho chị và cha mẹ chị biết. Anh H đến thăm con thì đi thẳng vào nhà không có chào hỏi, không tôn trọng gia đình chị. Khi anh H thăm con do con khóc nên cha mẹ chị dỗ con và đưa vào phòng chứ không phải ngăn cản. Con đi học trường tư là do trước đây khi ly hôn chị chưa cắt hộ khẩu từ anh H về được nên gửi tạm trường tư, hiện nay chị đã cắt khẩu và chuyển khẩu về xã T chuẩn bị cho con vào

học trường công. Cha mẹ chị lớn tuổi nhưng sức khỏe vẫn tốt, không có bị bệnh huyết áp như anh H trình bày. Cha mẹ chị chỉ phụ chăm sóc hai con nhưng chị vẫn là người chăm sóc chính. Hiện nay chị đã cất nhà riêng không còn chung sống với cha mẹ.

Về điều kiện nuôi con: Chị làm việc tại Trường trung học cơ sở xã T, vào biên chế từ năm 2009, vị trí việc làm nhân viên y tế, kiêm thủ quỹ, hệ số lương là 2.86, thu nhập thực tế hàng tháng là 4.815.000 đồng. Ngoài ra, còn được phụ cấp khác là tiền dạy tăng tiết của giáo viên hàng tháng thấp nhất là 1.500.000 đồng/tháng. Chị có hùn vốn chăn nuôi bò từ đầu tháng 01/2015, mỗi năm chị được chia tiền lời là 30.000.000 đồng. Như vậy, thu nhập thực tế trung bình của chị khoảng 9.000.000 đồng/tháng, đảm bảo đủ điều kiện nuôi 02 con. Hàng tháng chị còn gửi tiết kiệm cho con theo chương trình thẻ tiết kiệm Phù Đồng tại Ngân hàng S. Đối với anh H thì quán nước giải khát là của cha anh H, anh chỉ đứng ra phụ bán, tiền từ việc bán nước do cha mẹ anh H giữ.

Chị không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của anh H. Trong trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu của anh H thì chị sẽ cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/tháng cho cháu D. Nếu được tiếp tục nuôi 02 con thì chị không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi 02 con và vẫn tạo điều kiện cho anh H thăm nom, chăm sóc con bình thường. Chị đồng ý cho anh H thăm con vào chiều thứ 7, chủ nhật hàng tuần, từ 04 giờ đến 05 giờ. Đồng ý hàng tháng cho anh H dẫn con đi chơi, về thăm nội 02 lần nhưng phải có chị đi theo và anh H phải báo trước cho chị 03 – 04 ngày để chị sắp xếp.

Kiểm sát viên Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký: Thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng: Các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71, 72 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của anh Trần Lê Đăng H về việc yêu cầu thay người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn đối với chị Nguyễn Ngọc Bích T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Trần Lê Đăng H tranh chấp về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn với chị Nguyễn Ngọc Bích T, cư trú tại ấp T, xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre là vụ án hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa

án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre theo quy định tại khoản 3 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung: Anh H yêu cầu được nuôi cháu Trần Nguyễn Hải D, sinh ngày 10/10/2017. Anh đồng ý để chị T được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Trần Ngọc Hải M, sinh ngày 08/01/2019. Anh và chị T không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Theo đó, anh cho rằng thu nhập của chị T khoảng 5.000.000 đồng/tháng không đủ điều kiện để nuôi 02. Chị T thường xuyên đi làm không có thời gian chăm sóc con, phải gửi con ở trường tư thục dẫn đến hai con thường hay bị bệnh vặt. Cha mẹ chị T đã lớn tuổi, có bệnh huyết áp nên không có đủ sức khỏe để chăm sóc hai cháu. Chị T và gia đình ngăn cản không tạo điều kiện cho anh thăm nom, chăm sóc con chung. Còn chị T thì cho rằng chị và gia đình không có ai ngăn cản vẫn tạo điều kiện cho anh H thăm nom, chăm sóc con do anh H đến thăm con không có thông báo trước, khi đến thì đi thẳng vào nhà không có chào hỏi ai, có thái độ không tôn trọng gia đình chị. Chị có công việc làm ổn định thu nhập khoảng 9.000.000 đồng/tháng, được cha mẹ cho đất cát nhà ở riêng, hàng tháng chị còn gửi tiết kiệm cho con theo chương trình thẻ tiết kiệm Phù Đồng tại Ngân hàng nên chị đủ điều kiện để tiếp tục nuôi 02 con. Xét thấy, về điều kiện nuôi con: Chị T có việc làm, thu nhập ổn định, hàng tháng có gửi tiền tiết kiệm, tích lũy lo cho tương lai của các con về sau. Hơn nữa, sau khi ly hôn chị T cùng cháu D, cháu M về sinh sống và cất nhà ở cạnh nhà cha mẹ ruột. Chị T được cha mẹ ruột hỗ trợ trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng, đưa rước hai cháu đi học. Chị T nuôi dưỡng cháu D, cháu M phát triển tốt cả về thể chất lẫn tinh thần, các cháu đi học ổn định. Trong khi đó anh H bán quán nước thu nhập không ổn định, hiện nay còn sống chung với cha mẹ. Đồng thời anh H cũng không cung cấp được chứng cứ chứng minh chị T nuôi con không tốt, không đủ điều kiện nuôi con. Mặt khác, cháu D hiện nay chỉ hơn 03 tuổi, chưa đủ điều kiện để hỏi ý kiến xem xét nguyện vọng của cháu nên việc thay đổi môi trường sống tại thời điểm hiện nay sẽ ảnh hưởng không tốt đến sự phát triển bình thường của cháu. Ngoài ra, anh H còn cho rằng cha mẹ chị T đã lớn tuổi, bị bệnh cao huyết áp không có đủ sức khỏe để chăm sóc hai cháu nhưng anh không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh. Chị T là người trực tiếp nuôi con, cha mẹ chị T chỉ là người hỗ trợ chị T trong việc chăm sóc con nên việc cha mẹ chị T có lớn tuổi, có bị bệnh cao huyết áp hay không cũng không ảnh hưởng đến việc nuôi con của chị T. Cháu D và cháu M còn nhỏ nên việc các cháu bị bệnh vặt nóng, ho sổ mũi là chuyện không thể tránh khỏi, việc chị T cho cháu D đi học tại Trường mầm non tư thục cũng không là điều kiện để thay đổi người nuôi nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với việc chị T và gia đình có hành vi ngăn cản không cho anh H thăm nom, chăm sóc con chung nhưng anh H không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh có sự việc ngăn cản nêu trên khi anh đến thăm con. Hơn nữa, trong

suốt quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của chị T đều khẳng định chị T cùng gia đình không có ngăn cản và tạo điều kiện thuận lợi cho anh H thăm nom, chăm sóc con chung, đồng ý cho anh H chở con đi chơi về thăm ông bà nội nhưng việc đến thăm con phải trong thời gian phù hợp và phải thông báo cho chị T, gia đình biết trước để sắp xếp. Việc anh H thực hiện quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung đều xuất phát từ sự quan tâm của cha đối với con, cần thiết cho sự phát triển về mọi mặt và lợi ích tốt nhất cho con. Do đó, chị T và gia đình nên tiếp tục tạo điều kiện tốt nhất để anh H thực hiện quyền và nghĩa vụ thăm nom con hàng tuần, trong thời gian phù hợp do các bên thống nhất thỏa thuận, cho anh H chở con đi chơi, về thăm ông bà nội để cha con, ông bà xây dựng mối quan hệ tình cảm gia đình ngày càng tốt hơn.

Như phân tích nêu trên thì yêu cầu khởi kiện của anh H về việc yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn là không có căn cứ nên không được chấp nhận.

[3] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận nên anh H phải chịu án phí với số tiền là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà anh đã nộp.

[4] Ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình; Các Điều 147, 273, 278 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Lê Đăng H đối với chị Nguyễn Ngọc Bích T về việc tranh chấp về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn.

2. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Anh Trần Lê Đăng H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà anh đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí Tòa án số 0004060 ngày 19/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Bến Tre.

Quyền kháng cáo, kháng nghị: Đương sự có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tuyên án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự

có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- Chi cục THADS huyện G;
- UBND xã T, huyện G;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Khắc Giang